

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2022/DS-ST

Ngày: 14/01/2022

V/v tranh chấp: “hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Y

Ông Đỗ Thanh Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông, là thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2021/TLST-DS ngày 01/04/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2021/QĐXX-DS ngày 10/12/2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Lê Văn H, sinh năm 1966 (chết ngày 18/5/2021)

Lê Thị U, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LHB, xã BL, huyện CT, Tiền Giang

- *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H*

- Lê Thị U, sinh năm 1965 (có mặt)

- Lê Minh C, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

- Lê Minh T, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

- Nguyễn Thị T1, sinh năm 1940 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LHB, xã BL, huyện CT, Tiền Giang

- Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp LTA, xã BL, huyện CT, Tiền Giang

\* Bị đơn: Lê Văn H1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Ngô Thị Thùy N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng HKTT: Ấp LHB, xã BL, huyện CT, Tiền Giang.

\* Người làm chứng: Trương Vĩnh L, sinh năm 1968 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LHB, xã BL, huyện CT, Tiền Giang

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn trình bày: vào ngày 04/4/2020 (âm lịch), ông H bà U có cho anh H1, chị N vay 150.000.000đồng, mục đích để làm ăn và có lập hợp đồng viết tay, thời hạn vay là 02 tháng. Khi đến hạn trả nợ anh H1, chị N không trả nên vợ chồng ông bà nhiều lần có đến nhà đòi nợ. Nay ông H, bà U yêu cầu anh H1, chị N trả số tiền vốn gốc là 150.000.000đồng và trả lãi với mức lãi suất 0,75%/ tháng là 12.375.000đồng. Thời gian thực hiện trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H mất vào ngày 18/05/2021. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H là bà Lê Thị U, bà Nguyễn Thị T1, chị Lê Ngọc T2, anh Lê Minh T, Lê Minh C thống nhất trình bày: Từ khi anh H1 Chị N vay tiền đến nay chưa có trả vốn gốc và lãi lần nào cho bà U, ông H. Nay yêu cầu anh H1, chị N trả vốn gốc 150.000.000đồng cho bà U và không yêu cầu trả lãi.

\* Bị đơn anh H1, chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

\* Người làm chứng: ông L trình bày ông có làm chứng việc vay 150.000.000đồng của hai bên, còn việc tiền lãi thì ông không biết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà T1, anh C, anh T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh H1, chị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay.

Xét thấy, tại bản chính Hợp đồng vay ghi ngày 04/04/2020 âm lịch do bà U cung cấp thể hiện anh H1, chị N cùng ký tên mượn tiền của ông H bà U với số tiền 150.000.000đồng có người làm chứng là ông Trương Vĩnh L. Mặt sau tờ hợp đồng có ghi “Hôm nay ngày mùng 4-4-2020 (âm lịch) hợp đồng đã nêu trên: lãi suất hai chục ngàn một tháng trên 1 triệu: khi kết thúc hợp đồng phải có xác nhận của hai bên. Người viết Ngô Thị Thùy N”.

Tại phiên tòa bà U yêu cầu vợ chồng chị N, anh H1 trả lại vốn gốc trên cho vợ chồng bà. Xét thấy, từ khi thụ lý và suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh H1, chị N theo đúng quy định pháp luật nhưng cả hai không phản đối yêu cầu khởi kiện và không có đơn phản tố. Căn cứ vào Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, có đủ cơ sở xác định anh H1, chị N vay tiền của

ông H, bà U là thật, vì vậy cần phải buộc anh H1 Chị N trả số tiền vốn gốc trên cho bà U, ông H là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà U trình bày anh H1, chị N từ khi vay đến nay chưa có trả vốn gốc và lãi lần nào cho vợ chồng bà. Điều này cho thấy anh H1, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà U, ông H. Do đó cần phải buộc anh H1, chị N phải trả số tiền vốn gốc trên.

[5] Về án phí: anh H1, chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 5; Điều 244; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H là Nguyễn Thị T1, Lê Thị U, Lê Minh C, Lê Minh T, Lê Thị Thúy, về việc yêu cầu anh Lê Văn H1, chị Ngô Thị Thùy N trả 12.375.000 đồng tiền lãi.

Buộc anh Lê Văn H1, chị Ngô Thị Thùy N trả cho bà Lê Thị U và ông Lê Văn H (người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H là cụ Nguyễn Thị T1, Lê Thị U, Lê Minh C, Lê Minh T, Lê Thị Thúy) 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) vốn vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: anh Lê Văn H1, chị Ngô Thị Thùy N phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Lê Thị U và ông Lê Văn H (người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H là cụ Nguyễn Thị T1, Lê Thị U, Lê Minh C, Lê Minh T, Lê Thị Thúy) 5.617.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004136 ngày 30/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định

các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Võ Ngọc Hiếu**